

Số: 23 /KH-UBND

Huế, ngày 12 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế

Thực hiện Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 09 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), UBND thành phố Huế ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Huế với các nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

Tạo chuyển biến toàn diện trong phát triển văn hoá, xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị đạo đức, bản sắc, bản lĩnh con người và gia đình Việt Nam; nâng cao đời sống tinh thần và khả năng tiếp cận văn hoá của người dân.

Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá; xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ, chuyên gia, người lao động chất lượng cao trong lĩnh vực văn hoá.

Tập trung nguồn lực đầu tư hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm cho phát triển văn hoá địa phương.

II. YÊU CẦU

Tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030.

Phân công rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân; xác định nội dung công việc, thời gian hoàn thành; tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện.

Bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong quá trình triển khai Chương trình.

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2035

Giai đoạn đến năm 2030: Phấn đấu đạt 08 nhóm mục tiêu cụ thể:

1. Triển khai thực hiện hệ giá trị văn hoá, con người, gia đình Việt Nam trên toàn quốc thông qua bộ quy tắc ứng xử.

2. Đầu tư, nâng cấp 03 thiết chế văn hoá cấp thành phố đạt chuẩn theo quy định; nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hoá cấp xã, phường.

3. Hoàn thành tu bổ, tôn tạo 95% di tích quốc gia đặc biệt và 70% di tích quốc gia.

4. 100% đơn vị văn hoá, nghệ thuật được tin học hóa, chuyển đổi số.

5. 100% học sinh, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật, di sản văn hoá.

6. 90% văn nghệ sĩ, công chức, viên chức lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ định kỳ hằng năm.

7. Hỗ trợ sáng tác, công bố, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật chất lượng cao.

8. Hình thành mạng lưới không gian sáng tạo, trung tâm hỗ trợ nghệ thuật đương đại; phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá chất lượng cao.

Giai đoạn đến năm 2035: Tiếp tục phát triển, hoàn thiện 08 nhóm mục tiêu sau:

1. Đưa giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình vào hương ước, quy ước cộng đồng, hỗ trợ triển khai hiệu quả.

2. 100% thư viện công cộng đáp ứng điều kiện thành lập và hoạt động theo Luật Thư viện.

3. Tu bổ, tôn tạo 100% di tích quốc gia đặc biệt và ít nhất 80% di tích quốc gia.

4. 85% cơ sở giáo dục có phòng học Âm nhạc, Mỹ thuật, Nghệ thuật.

5. Có ít nhất 01 công trình văn hoá tiêu biểu tầm châu lục tại thành phố (nhà hát, bảo tàng, rạp chiếu phim...).

6. Phát triển mạng lưới trung tâm công nghiệp văn hoá, không gian sáng tạo gắn với xây dựng thương hiệu văn hoá địa phương.

7. 100% cơ sở đào tạo văn hoá, nghệ thuật công lập được đầu tư đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

8. Cơ sở dữ liệu văn hoá, nghệ thuật, di sản, nhân lực được kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

B. NỘI DUNG

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị của thành phố Huế từ cấp thành phố đến cấp phường, xã; Các tổ chức, đoàn thể, câu lạc bộ, cá nhân hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trên địa bàn thành phố; Các đơn vị quản lý, bảo tồn di sản văn hóa, trung tâm văn hóa – thể thao, thư viện, bảo tàng và các thiết chế văn hóa cơ sở.

- Đối tượng thụ hưởng: Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật tại thành phố Huế.

2. Thời gian thực hiện Chương trình

Chương trình được thực hiện từ năm 2025 đến hết năm 2035, giai đoạn 1: từ năm 2025 đến hết năm 2030.

II. CÁC NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển con người Việt Nam có nhân cách và lối sống tốt đẹp

a) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) Nội dung

1.1. Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới

1.1.1. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong gia đình.

1.1.2. Xây dựng, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện văn hóa công vụ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; bộ quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi đến làm việc tại cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

1.1.3. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

1.1.4. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong lực lượng Công an nhân dân.

1.1.5. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường. Nâng cao năng lực công tác chính trị tư tưởng, văn hóa học đường, đạo đức lối sống, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong các cơ sở giáo dục đào tạo.

1.1.6. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

1.1.7. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam.

1.1.8. Xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp y tế nhằm nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

1.2. Thúc đẩy quyền, nghĩa vụ, văn hóa sống và làm việc theo pháp luật

1.2.1. Nâng cao nhận thức về pháp luật cho con người Việt Nam, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

1.2.2. Tăng cường khả năng tiếp cận, thụ hưởng và năng lực tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm bảo về văn hóa, hôn nhân, gia đình cho người dân, chú ý yếu tố giới, đối tượng yếu thế, bảo vệ, thúc đẩy quyền và lợi ích chính đáng của người dân, người được trợ giúp pháp lý.

1.2.3. Đảm bảo năng lực, chất lượng, tính chuyên nghiệp, chuyên sâu, liên ngành và sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định, hoàn thiện và thực thi cơ chế, chính sách về văn hóa.

1.2.4. Phát triển văn hóa con người Việt Nam về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

1.3. Phát triển thể lực, tầm vóc và kỹ năng sống cho con người Việt Nam

1.3.1. Triển khai phong trào thể dục, thể thao cho mọi người, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hình thành các khu trung tâm thể dục thể thao của xã, phường, gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa tại cơ sở, trường học; các điểm tập thể thao với trang thiết bị tập luyện đơn giản tại các khu đô thị, khu dân cư, làng, bản, thôn, ấp, nhà máy, xí nghiệp...

1.3.2. Hỗ trợ hướng dẫn tập luyện, tổ chức các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng, với lực lượng cộng tác viên thể thao ở cơ sở làm nòng cốt.

1.3.3. Phổ biến, hướng dẫn thực hành các kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương.

1.3.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần xây dựng văn hóa ứng xử cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên trong và ngoài trường học.

1.4. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới

1.4.1. Hoàn thiện, phát triển, triển khai hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc.

1.4.2. Xây dựng các mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở; mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình. Tuyên truyền giáo dục chuyển đổi hành vi cho người có hành vi bạo lực gia đình. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng về hôn nhân gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc cho thanh niên trước khi kết hôn, trợ giúp tâm lý và quản trị gia đình.

1.4.3. Phổ biến thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, bình đẳng giới, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình cho các hộ gia đình.

1.4.4. Nâng cao năng lực thực hiện, tiếp cận, sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm cho các thành viên hộ gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, chú ý đến phụ nữ, đối tượng yếu thế.

2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả

a) **Đối tượng:** Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) **Nội dung**

2.1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế

2.1.1. Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn quốc gia, nhà hát nghệ thuật tiêu biểu tại các đô thị lớn, trở thành thương hiệu quốc gia; phát triển, nâng cấp hệ thống các nhà hát mang tính biểu tượng, nổi bật giá trị văn hóa truyền thống vật thể, phi vật thể tiêu biểu.

2.1.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, trang bị kỹ thuật, thiết bị hiện đại cho hệ thống không gian triển lãm nghệ thuật ở Trung ương và địa phương.

2.1.3. Mở rộng hệ thống Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại tại các đô thị lớn và phát triển, nâng cấp hệ thống rạp chiếu phim tại các địa phương.

2.1.4. Hỗ trợ phát triển cộng đồng khán giả, công chúng thường xuyên tại các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập.

2.1.5. Nâng cao năng lực vận hành, khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập; hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm, hoạt động, tăng nguồn thu cho các thiết chế từ tài trợ, bảo trợ văn hóa, nghệ thuật.

2.2. Nâng cao năng lực vận hành, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở

2.2.1. Nâng cao năng lực vận hành, khai thác, hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho các Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (và tương đương); xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp còn thiếu.

2.2.2. Xây dựng cơ chế hợp tác, chia sẻ tài nguyên giữa các thiết chế văn hóa. Tăng cường vai trò của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội, tôn giáo, tín ngưỡng... trong việc xây dựng, vận hành hiệu quả các thiết chế văn hóa và tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật cơ sở.

2.2.3. Phát triển, đầu tư, vận hành hiệu quả mạng lưới điểm vui chơi, giải trí tại cơ sở và hỗ trợ trang thiết bị hoạt động dành cho trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo.

2.3. Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực văn hóa cơ sở, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật

2.3.1. Tập huấn, truyền đạt kiến thức trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ cấp thôn (trưởng thôn, trưởng bản, trưởng ấp, già làng...), tổ chức chi hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhất là tại các khu vực miền núi.

2.3.2. Nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa, cải thiện sinh kế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thông tin, truyền thông chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa; xây dựng, phát hành phóng sự, tiểu phẩm, chương trình, bài viết và các hoạt động truyền thông khác về trợ giúp pháp lý đăng ký biện pháp bảo đảm hiệu quả, điển hình, thành công về văn hóa.

2.3.3. Tập huấn về các kỹ năng phối hợp, giới thiệu thông tin, vụ việc trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về văn hóa cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý và hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm như đồn biên phòng, cảnh sát biển, cơ quan tiến hành tố tụng, Sở Tư pháp người làm công tác liên quan đến văn hóa, công chức, cán bộ cấp xã.

2.4. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống

2.4.1. Xây dựng và khai thác các mô hình văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, phong tục, tập quán của địa phương: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng.

2.4.2. Tổ chức truyền dạy văn hoá phi vật thể (dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống...), bồi dưỡng người kế cận trong nhóm cộng đồng, hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian, văn nghệ truyền thống tại cơ sở; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú tại địa phương trong việc phổ biến đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

2.4.3. Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian. Bảo tồn, phục dựng, tổ chức lễ hội truyền thống, ngày hội, giao lưu, liên hoan, về các loại hình văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thi đấu thể thao truyền thống của địa phương, hướng tới khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch. Bảo tồn làng, bản, buôn gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

2.4.4. Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền rộng rãi các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu của các vùng, miền; nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng; những tấm gương tiêu biểu trong xã hội; nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy lễ hội, nghề thủ công truyền thống.

2.4.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Làng): Tăng cường hoạt động truyền dạy, hưởng thụ văn hoá, thể thao, văn hoá đọc của cộng đồng các dân tộc tại Làng; nâng cao cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị, chất lượng tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hoá truyền thống; khôi phục, bảo tồn, tổ chức các lễ hội, trình diễn di sản văn hoá, không gian chợ phiên vùng cao...

2.5. Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện

2.5.1. Nâng cao năng lực vận hành hiệu quả, phát triển văn hóa đọc, đẩy mạnh kết nối, trao đổi thông tin, tài liệu của hệ thống thư viện công lập; đầu tư

xây dựng, nâng cấp hệ thống thư viện công lập đảm bảo tiêu chí theo quy định của pháp luật.

2.5.2. Xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại Thư viện Quốc gia Việt Nam và nhân rộng trong các thư viện công cộng cấp tỉnh, phát triển các mô hình, chương trình khuyến đọc.

2.5.3. Xây dựng, tổ chức phát triển mô hình hoạt động thư viện lưu động đa phương tiện phục vụ phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng: hỗ trợ phát triển tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện, kho tài liệu luân chuyển của thành phố; hỗ trợ xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các trang thiết bị chuyên dùng.

2.5.4. Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm thư viện cộng đồng tại những địa phương chưa có thư viện công cộng cấp xã.

2.6. Phát triển hệ thống không gian văn hóa công cộng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ

2.6.1. Đầu tư mới, cải tạo các tác phẩm mỹ thuật công cộng (điêu khắc, sắp đặt, tranh) tại các không gian công cộng (vườn hoa, công viên, quảng trường, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, sân vận động...) và các công trình mỹ thuật biểu tượng văn hóa quốc gia Việt Nam.

2.6.2. Thúc đẩy hợp tác công - tư trong xây dựng, vận hành và quản lý các không gian văn hóa công cộng. Hỗ trợ, thúc đẩy gắn trách nhiệm của nhà đầu tư cơ sở hạ tầng đối với phát triển văn hóa.

2.7. Xây dựng, phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa trong hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống bệnh viện

2.7.1. Duy tu, nâng cấp các thiết bị, các thiết chế văn hóa trong các cơ sở giáo dục phòng truyền thống, nhà tập đa năng; phát triển tài nguyên thông tin, xây dựng thư viện trong các cơ sở giáo dục theo hướng thư viện thân thiện, hiện đại có khả năng liên thông với các thư viện trong cùng hệ thống và hệ thống thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành.

2.7.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống các Cung/Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi với đầy đủ thiết bị, nhạc cụ, âm thanh, ánh sáng... đồng bộ.

2.7.3. Thí điểm thiết lập mô hình Khu vui chơi cho trẻ em tại cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Thí điểm xây dựng mô hình Tủ sách tại bệnh viện: Tổ chức tủ sách và hoạt động đọc sách tại 30 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế giành cho người bệnh, người nhà bệnh nhân.

3. Nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hoá

a) **Đối tượng:** Mọi đối tượng thụ hưởng của chương trình.

b) **Nội dung**

3.1. **Phát huy vai trò của cơ quan truyền thông, báo chí, hệ thống thông tin cơ sở nhằm quảng bá, tăng cường thông tin đối ngoại, lan tỏa giá trị văn hóa tốt đẹp, phản bác, đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch, xấu độc**

3.1.1. Đổi mới, đa dạng hóa hình thức phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phương thức truyền thông mới đa nền tảng, đa phương tiện.

3.1.2. Đấu tranh, phòng chống các hành vi lợi dụng lĩnh vực văn hóa để tiến hành hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; đấu tranh với các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín, trục lợi, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân.

3.1.3. Tuyên truyền phản bác, đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch về văn hóa, con người Việt Nam trên báo chí trong và ngoài nước, các nền tảng số và ngăn chặn thông tin xấu độc, trái thuần phong, mỹ tục, văn hóa Việt Nam trên không gian mạng.

3.1.4. Phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trong việc nâng cao nhận thức về hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị con người Việt Nam.

3.1.5. Tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, điển hình trong bảo tồn, phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc Việt Nam.

3.1.6. Tập trung xây dựng và phát triển các kênh thông tin, truyền thông mới về văn hóa, nghệ thuật trên nền tảng số. Tiếp tục triển khai các phương thức tuyên truyền cổ động trực quan (pano, băng rôn...) tại các địa phương phù hợp. Sản xuất các chương trình, phim tài liệu giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc.

3.1.7. Tổ chức xuất bản các ấn phẩm về tri thức, văn hóa; thực hiện các hoạt động truyền thông, quảng bá phát triển văn hóa đọc, các sản phẩm thông tin thư viện và dịch vụ thư viện nhằm góp phần bồi dưỡng, nâng cao tri thức của nhân dân, gắn kết chặt chẽ với hoạt động học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

3.1.8. Xây dựng nội dung sản phẩm truyền thông phục vụ quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài.

3.1.9. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

3.1.10. Tăng cường năng lực về kiến thức, kỹ năng xử lý thông tin khi thực hiện công tác truyền thông cho đội ngũ làm công tác truyền thông về các vấn đề văn hóa, xã hội; phóng viên, biên tập viên báo chí; cán bộ làm công tác quản lý thông tin cơ sở.

3.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa

3.2.1. Giới thiệu các nội dung về văn hóa, nghệ thuật dân gian, các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu trong các môn học và hoạt động giáo dục, triển

khai hiệu quả các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3.2.2. Triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thanh, thiếu niên Việt Nam ngoài nhà trường, tập trung tại các thiết chế văn hóa cơ sở, thiết chế văn hóa, nghệ thuật.

3.2.3. Triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, chú trọng kết hợp với hệ thống cơ sở giáo dục các cấp.

3.2.4. Nâng cao năng lực kết hợp hiệu quả giáo dục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, văn hóa vùng miền của mỗi địa phương vào các hoạt động giáo dục, môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên như nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, ngữ văn, lịch sử, địa lý...

3.2.5. Trang bị hệ thống phòng học bộ môn cho các môn học: âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật, phòng tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa, giáo dục địa phương với đầy đủ các thiết bị.

3.3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số

3.3.1. Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa và tổ chức Liên hoan Đội tuyên truyền văn hóa tuyến biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng và Đội tuyên truyền văn hóa bộ đội biên phòng.

3.3.2. Hỗ trợ ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động cho Đội Tuyên truyền lưu động của Trung tâm Văn hóa Điện ảnh thành phố.

3.3.3. Hỗ trợ trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số phù hợp cho đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu; hỗ trợ cơ sở hạ tầng thực hiện phổ biến trực tuyến các phim thuộc sở hữu của Nhà nước.

4. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc

a) Mục tiêu: đạt các yêu cầu về tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện cấp tỉnh, xã giai đoạn 2025-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của chương trình.

c) Nội dung:

4.1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích

4.1.1. Hoàn thành việc kiểm kê di tích trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

4.1.2. Xác định giá trị, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học các di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam đề nghị UNESCO công nhận.

4.1.3. Hoàn thành việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận và một số cụm di tích quốc gia.

4.1.4. Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, di tích khảo cổ, di tích hỗn hợp được UNESCO công nhận, di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia.

4.1.5. Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, tu sửa cấp thiết các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, di tích hỗn hợp được xếp hạng cấp quốc gia; di tích tại các xã, vùng An toàn khu (ATK) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã, vùng An toàn khu (ATK) có giá trị đang bị xuống cấp nghiêm trọng.

4.1.6. Đầu tư trọng điểm một số di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới và di tích quốc gia đặc biệt, tạo động lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Thí điểm mô hình đô thị di sản tại một số đô thị phù hợp.

4.1.7. Lựa chọn, đầu tư tu bổ một số di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu ở các loại hình kiến trúc gỗ, gạch đá để xây dựng quy trình kỹ thuật tối ưu làm hình mẫu cho việc triển khai công tác tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật ở Việt Nam.

4.1.8. Nâng cao năng lực của các cộng đồng - chủ nhân sáng tạo và cộng đồng - chủ nhân sở hữu của các di sản văn hóa trong việc bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể kết hợp với khai thác các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4.1.9. Lập quy hoạch khảo cổ đối với các địa điểm, di chỉ, di tích khảo cổ có giá trị; tổ chức khoanh vùng, cắm mốc các địa điểm, di tích khảo cổ, di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng.

4.2. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

4.2.1. Tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể.

4.2.2. Lựa chọn, xây dựng hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể đưa vào danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và đề nghị UNESCO ghi danh vào các danh sách của UNESCO.

4.3.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh trong danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh gắn với phát triển bền vững; chú trọng các di sản văn hóa có phạm vi phân bố liên vùng (liên quốc gia, liên tỉnh, liên xã) gắn với liên kết phát triển bền vững.

4.3. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

4.3.1. Tiến hành kiểm kê di sản tư liệu.

4.3.2. Lựa chọn, xây dựng hồ sơ khoa học các di sản tư liệu đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu và đề nghị UNESCO ghi danh.

4.3.3. Xác định giá trị, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

4.3.4. Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê; bảo quản, phục hồi, bảo dưỡng, phục chế và phát huy giá trị di sản tư liệu, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Tăng cường bảo vệ, bảo quản bảo vật quốc gia theo chế độ đặc biệt.

4.3.5. Xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu trong danh mục quốc gia về di sản tư liệu hoặc di sản tư liệu được UNESCO ghi danh Việt Nam; sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị của tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa khoa học; tài liệu địa chí, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật dân gian.

4.3.6. Hỗ trợ tìm kiếm, sưu tầm, mua và đưa di vật, cổ vật, di sản tư liệu có giá trị và có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước.

4.4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả của hệ thống bảo tàng

4.4.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các bảo tàng công lập. Hỗ trợ, phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập đáp ứng yêu cầu, định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước. Cải tạo, nâng cấp hệ thống trưng bày và kho bảo quản hiện vật của bảo tàng bị xuống cấp, không bảo đảm yêu cầu để hoạt động.

4.4.2. Nâng cao chất lượng hoạt động, khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống bảo tàng; ưu tiên ứng dụng các kết quả khoa học, công nghệ hiện đại trong hoạt động bảo tàng; đa dạng hoá nội dung, hình thức trưng bày bảo tàng công lập để thu hút khách tham quan, trải nghiệm, nghiên cứu, học tập, tham gia phát triển kinh tế, xã hội.

4.5. Tăng cường trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

4.5.1. Nâng cao hiểu biết của người dân trong việc sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp trong việc phát triển, bảo tồn, bảo quản, sưu tập các di sản văn hóa.

4.5.2. Tăng cường năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người có di sản văn hóa bị ngăn cản, chiếm đoạt, xâm phạm quyền sử dụng, quyền khai thác, quyền sở hữu; trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cho người thực hiện, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý, đăng ký biện pháp bảo đảm.

4.5.3. Phòng, chống và xử lý các hoạt động xâm hại di tích, hoạt động trộm cắp, mua bán trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; bảo đảm tuyệt đối an toàn đối với việc đưa các bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

5. Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật

a) Mục tiêu: đạt các yêu cầu về tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện cấp tỉnh, xã giai đoạn 2025-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

c) Nội dung

5.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật

5.1.1. Hỗ trợ văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác, lưu trú nghệ thuật; hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất, lưu hành tác phẩm.

5.1.2. Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật với các tổ chức giảng dạy, không gian nghệ thuật, nhà ở nghệ thuật và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bằng các khoản trợ cấp, học bổng nghệ thuật; hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện các bài thi tốt nghiệp trên sân khấu và sáng tác nghệ thuật, văn học.

5.1.3. Tổ chức định kỳ các cuộc thi, trại sáng tác văn học, nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quốc tế ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của thế giới.

5.2. Phát triển hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật

5.2.1. Hỗ trợ các hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

5.2.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa, phục vụ nhiệm vụ hoạch định, tư vấn đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành.

5.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật

5.3.1. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập.

5.3.2. Hỗ trợ hình thành các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại.

5.3.3. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại đạt tiêu chuẩn phục vụ thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật.

5.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam

5.4.1. Đầu tư đặt hàng sáng tác, sưu tầm, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh đỉnh cao và đương đại gồm: tác phẩm mang giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; tác phẩm thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại; tác phẩm về đề tài lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước.

5.4.2. Đầu tư kịch bản, sản xuất các tác phẩm phim ảnh có chất lượng nghệ thuật cao, mang tính nhân văn, hướng thiện và giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chính trị và đời sống tinh thần của người dân, gồm: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình.

5.4.3. Hình thành, nâng cao giá trị, chất lượng, uy tín các giải thưởng quốc gia về văn hóa, văn học, nghệ thuật.

5.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân

5.5.1. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu, tạo lập cơ sở dữ liệu và công bố các tác phẩm về văn học, nghệ thuật Việt Nam vì sự nghiệp Cách mạng, tiến tới kỷ niệm 90 năm thành lập Nước, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng.

5.5.2. Công bố, quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh, tác phẩm lý luận phê bình văn học nghệ thuật xuất sắc, chất lượng cao đã được giải thưởng hoặc công nhận trong nước và quốc tế cho nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ; phổ biến văn hóa, văn học, nghệ thuật thông qua các sản phẩm vui chơi, giải trí trên nền tảng công nghệ số.

5.5.3. Xây dựng Chương trình dịch thuật về lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật, làm căn cứ cho việc tiếp thu, vận dụng và phát triển lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật của Việt Nam.

5.5.4. Tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế có quy mô lớn trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh; tạo điều kiện kết nối, giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, quốc tế.

5.5.5. Hỗ trợ tăng tỷ lệ buổi chiếu phim Việt Nam tại rạp; hỗ trợ hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu.

5.5.6. Phát triển hệ thống không gian nghệ thuật công cộng, cộng đồng thông qua hợp tác công - tư, tạo cơ hội cho các nghệ sĩ trình bày tác phẩm, đồng thời nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương.

6. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

a) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) Nội dung

6.1. Hỗ trợ phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa

6.1.1. Phát triển, củng cố và mở rộng cơ sở hạ tầng các khu, trung tâm, tổ hợp công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo tại các đô thị có tiềm năng và lợi thế nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

6.1.2. Hỗ trợ phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo Việt Nam thuộc mạng lưới thành phố sáng tạo của UNESCO, hệ thống các không gian văn hóa, sáng tạo trên cả nước, kết nối với các mạng lưới sáng tạo quốc tế. Xây dựng hệ sinh thái đề liên kết giữa các nghệ sĩ và người thực hành sáng tạo, các không gian văn hóa và doanh nghiệp, tạo thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa phát triển. Hỗ trợ các làng nghề chuyển đổi, phát triển theo định hướng công nghiệp văn hóa, sáng tạo, hỗ trợ các di sản công nghiệp chuyển đổi, tái thiết thành các không gian văn hóa, sáng tạo.

6.2. Hỗ trợ phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam

6.2.1. Hỗ trợ, đầu tư phát triển thị trường công nghiệp văn hóa trong nước, nhất là thị trường văn học, nghệ thuật. Phát triển các thị trường quốc tế cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, nhất là tại các nước có đông đảo cộng đồng Việt Nam sinh sống, học tập và làm việc.

6.2.2. Hình thành các sản phẩm giao dịch quyền tác giả, quyền liên quan của các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

6.2.3. Hỗ trợ phân phối sản phẩm các ngành công nghiệp văn hoá trên các nền tảng ứng dụng công nghệ số, truyền thông số, du lịch số,...

6.2.4. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh trong các ngành công nghiệp văn hóa tham gia các sự kiện, hội chợ xúc tiến thương mại quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

6.2.5. Tổ chức các chương trình, sự kiện, triển lãm nhằm quảng bá thương hiệu, giới thiệu, xúc tiến thương mại của một số ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

6.2.6. Xây dựng Bộ chỉ số thống kê về các ngành công nghiệp văn hóa. Điều tra, thống kê thường niên đánh giá sự đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GDP. Lập bản đồ số về các ngành công nghiệp văn hóa.

6.3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, doanh nghiệp các ngành công nghiệp văn hóa có năng lực cạnh tranh cao

6.3.1. Xây dựng chương trình thương hiệu văn hóa Việt Nam, đẩy mạnh xây dựng thương hiệu quốc gia, đại sứ thương hiệu văn hóa Việt Nam ở nước ngoài. Hỗ trợ hình thành các sản phẩm chủ lực cho ngành công nghiệp văn hóa, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Truyền thông nâng cao nhận thức, quảng bá về các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

6.3.2. Hỗ trợ các sản phẩm công nghiệp văn hoá có năng lực cạnh tranh cao đạt tiêu chí chứng nhận Thương hiệu quốc gia Việt Nam và đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, đưa các sản phẩm công nghiệp văn hoá Thương hiệu quốc gia Việt Nam đến người tiêu dùng.

6.3.3. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân nghệ sỹ nâng cao kiến thức, kỹ năng xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm công nghiệp văn hóa có tính cạnh tranh cao, kỹ năng xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

6.3.4. Hỗ trợ phát triển các nền tảng, cơ chế quản lý hoạt động gây quỹ cộng đồng, tài trợ, bảo trợ, hợp tác công - tư cho các chương trình, dự án về văn hóa, nghệ thuật và sáng tạo; kết nối doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, sáng tạo với các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

6.3.5. Lựa chọn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp, làng nghề, nghệ nhân, người thực hành phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa (ưu tiên lĩnh vực thiết kế và thủ công mỹ nghệ) từ các sản phẩm đặc trưng, tiêu bản hình ảnh của di sản văn hóa Việt Nam.

6.3.6. Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên về các dự án liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa.

6.4. Nâng cao hiệu quả bảo hộ bản quyền tác giả trong việc phát triển công nghiệp văn hóa

6.4.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan cho các chủ thể quyền, cá nhân, tổ chức, công chúng, học sinh, sinh viên trong việc khai thác, sử dụng các tài sản trí tuệ, sản phẩm công nghiệp văn hóa.

6.4.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.

6.4.3. Nâng cao năng lực xử lý vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan; thù lao, nhuận bút đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

6.4.4. Phát triển công cụ hỗ trợ quản lý, phát hiện xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số, mạng internet, công cụ quản lý phim, bản ghi âm, ghi hình trên không gian mạng.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa

a) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) Nội dung

7.1. Quản lý văn hóa trên môi trường số, xây dựng văn hóa số, xã hội số

7.1.1. Ứng dụng các công nghệ mới phục vụ quản lý nhà nước hiệu quả đối với hoạt động phổ biến bản ghi âm, ghi hình, nội dung nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, đặc biệt trên môi trường số.

7.1.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực ngành văn hóa.

7.1.3. Phát triển hệ thống quản lý các thư viện Việt Nam.

7.2. Số hóa dữ liệu, xây dựng, bảo vệ cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia trên môi trường số

7.2.1. Xây dựng và khai thác dữ liệu số quốc gia về các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống, văn học...) và lĩnh vực gia đình.

7.2.2. Đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ chuyên dụng, xây dựng thư viện số cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và thư viện công cộng cấp tỉnh, thực hiện tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu số giữa các thư viện. Phát triển Thư viện Quốc gia Việt Nam thành thư viện số quốc gia, trung tâm bảo quản số quốc gia, thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ với các thư viện, lưu trữ lớn trên thế giới.

7.2.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá. Triển khai số hóa, xây dựng bản đồ số hệ thống di tích và dữ liệu về di tích (di sản văn hoá thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia), số hóa hiện vật quý hiếm, cổ vật, bảo vật quốc gia; số hóa các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu phục vụ công tác lưu giữ, bảo quản, tu bổ, phục hồi, nghiên cứu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ và phát huy giá trị.

7.2.4. Hỗ trợ trang thiết bị chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho trưng bày trên không gian mạng và các hoạt động chuyên môn của bảo tàng, xây dựng cơ sở dữ liệu cho các bảo tàng công lập.

7.2.5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo tồn và trùng tu các di tích; triển khai thí điểm việc trùng tu các loại hình di tích kiến trúc gỗ, gạch áp dụng các cấp độ tu bổ, bảo quản, gia cố. Xây dựng kho dữ liệu gốc về các công trình di tích phục vụ công tác nghiên cứu, tu bổ, tôn tạo làm cơ sở đối chiếu giữa di tích ban đầu và di tích đã được trùng tu.

7.2.6. Triển khai các ứng dụng công nghệ số, nền tảng số hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan tại các di tích, bảo tàng, điểm du lịch và tăng cường việc tiếp cận di sản tư liệu được dễ dàng, thuận tiện.

7.3. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nghiên cứu cơ bản để phát triển văn hóa và thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số

7.3.1. Triển khai Bộ chỉ số văn hóa quốc gia vì sự phát triển bền vững.

7.3.2. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ của một số viện nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật theo mô hình tiên tiến thế giới để thực hiện nhiệm vụ tư vấn chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành văn hóa.

7.3.3. Đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, triển khai số hóa trong đào tạo, xây dựng hệ thống học liệu số về văn hóa, nghệ thuật.

7.3.4. Phát triển không gian sáng tạo, bảo tàng, thư viện và chuyển đổi số tác phẩm văn học, nghệ thuật Việt Nam trên không gian mạng.

8. Phát triển nguồn nhân lực văn hóa

a) **Đối tượng:** Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) **Nội dung**

8.1. Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa

8.1.1. Nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo, tham mưu, quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, công chức, viên chức liên quan đến phát triển văn hóa.

8.1.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, nghiệp vụ tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở các cấp.

8.1.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa đối ngoại và ngoại ngữ cho đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ công tác văn hóa đối ngoại, ngoại giao văn hóa tại Trung ương và địa phương.

8.2. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa

8.2.1. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng số và giới cho đội ngũ văn nghệ sĩ, đội ngũ sáng tạo, nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

8.2.2. Tập trung đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương.

8.2.3. Tổ chức lựa chọn, cử học sinh, sinh viên và văn nghệ sĩ tài năng, trí thức trẻ có năng lực, khả năng sáng tạo đi đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn ở ngoài nước đối với các ngành/lĩnh vực trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo nhưng chất lượng chưa cao ở Trung ương và địa phương.

8.2.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về lý luận, phê bình, giám tuyển, giám định, phục chế trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học.

8.2.5. Đào tạo, phát triển đội ngũ diễn viên, nhạc công thuộc các loại hình nghệ thuật truyền thống để cung cấp cho các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở Trung ương và địa phương.

8.2.6. Phát triển nguồn nhân lực đặc thù phục vụ cho lĩnh vực tu bổ, phục hồi di tích, quản lý phát huy giá trị di sản văn hoá ở trong nước và nước ngoài tại những quốc gia có thể mạnh về di sản văn hoá.

8.2.7. Lựa chọn, hỗ trợ và cử văn nghệ sĩ, trí thức, tài năng, giảng viên, giáo viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tham dự các cuộc hội thảo, giao lưu, cuộc thi, sáng tạo nghệ thuật, trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm ở trong và ngoài nước.

8.2.8. Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho chuyên gia lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật ở trong nước trên cơ sở mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời hằng năm hỗ trợ, cử chuyên gia đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài.

8.2.9. Rà soát, bổ sung ngành, nghề đào tạo thí điểm đáp ứng nhu cầu xã hội, xu thế khu vực và thế giới. Phát triển chuyên ngành mỹ học, nghệ thuật học trong các trường khối nhân văn, xã hội nhằm xây dựng, khẳng định các định hướng trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật.

8.3. Tạo môi trường để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội, tài năng lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được sáng tạo, cống hiến, rèn luyện phát triển tài năng

8.3.1. Tổ chức các hội thi, hội diễn, chương trình nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, văn học để tạo sân chơi, thể hiện tài năng cho đội ngũ văn nghệ sĩ.

8.3.2. Tổ chức các Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật trong nước và quốc tế tại Việt Nam.

8.4. Phát triển nguồn nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa

8.4.1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý, sản xuất, phát hành, kỹ thuật, công nghệ,... trong các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn,....

8.4.2. Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức giáo dục uy tín ở nước ngoài tổ chức đào tạo thí điểm các ngành/chuyên ngành phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

8.4.3. Xây dựng chương trình, phát triển nội dung chuyên ngành đào tạo về công nghiệp văn hóa trong các trường văn hóa nghệ thuật, chú trọng đào tạo về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ trong công nghiệp văn hóa.

8.5. Nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

8.5.1. Đầu tư xây dựng, cung cấp cơ sở vật chất và nâng cấp toàn diện các cơ sở nghiên cứu, đào tạo văn hóa nghệ thuật với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng.

8.5.2. Tập trung đầu tư đồng bộ, tổng thể một số trường đại học, viện nghiên cứu trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu tầm cỡ khu vực trong các lĩnh vực: âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu - điện ảnh và văn hóa ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

8.5.3. Tập trung nguồn lực, hỗ trợ, thu hút, trọng dụng, tuyển dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghề truyền thống tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

8.5.4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số ở trong và ngoài nước.

8.5.5. Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo thông qua mời chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và nghệ sĩ tài năng ở nước ngoài tham gia giảng dạy, trao đổi, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

8.5.6. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phát triển đội ngũ giáo viên dạy các môn học âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông, bao gồm: đào tạo giáo viên mới; đào tạo lại đội ngũ giáo viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông; tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên hiện có.

9. Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới

a) Đối tượng: Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

b) Nội dung

9.1. Phát huy vai trò các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài

9.1.1. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, nghiên cứu đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài (trước mắt tập trung tại Nhật Bản và Hàn Quốc) gắn với công tác văn hóa đối ngoại và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

9.2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài thông qua các hình thức đa dạng

9.2.1. Quảng bá văn hóa, thương hiệu Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài như các triển lãm, trưng bày quốc tế (EXPO, Venice Biennale, London Design Biennale...), các không gian văn hóa, điện ảnh Việt Nam tại các Liên hoan phim Cannes, Berlin, Tokyo, Busan..., giới thiệu sách, văn học Việt Nam tại các sự kiện văn học, hội chợ sách quốc tế, không gian quảng bá Việt

Nam tại các hội nghị, sự kiện quốc tế lớn, hỗ trợ nghệ sĩ Việt Nam tham dự các sự kiện tại nước ngoài.

9.2.2. Chủ động tham gia tích cực các sáng kiến, sự kiện xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (Thành phố văn hóa ASEAN, Tinh hoa nghệ thuật trình diễn ASEAN, Hệ thống dữ liệu số về di sản văn hóa ASEAN, Trung tâm/Nhà văn hóa ASEAN tại các nước thành viên và các nước đối tác, các chương trình trao đổi văn hóa, tăng cường năng lực, phát triển kinh tế sáng tạo giữa ASEAN).

9.2.3. Tổ chức dịch, giới thiệu, xuất bản tác phẩm văn học, văn hóa, lịch sử Việt Nam có giá trị tư tưởng nghệ thuật, giá trị khoa học cao và các chuyên san, ấn phẩm giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

9.2.4. Sản xuất, phổ biến các nội dung sáng tạo nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam trên nền tảng mạng xã hội, kênh truyền hình quốc tế, trên các bảng điện tử công cộng, sân bay trong nước và quốc tế... Hỗ trợ quảng bá thông qua các đoàn phóng viên, báo chí, các đoàn làm phim quốc tế vào Việt Nam.

9.2.5. Hỗ trợ các hoạt động quảng bá hình ảnh con người, văn hóa, thế mạnh của các địa phương với bạn bè quốc tế; xúc tiến, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hóa và sáng tạo Việt Nam ra nước ngoài.

9.2.6. Đầu tư sản xuất phim quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.

9.3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam, hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa

9.3.1. Đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế có quy mô, uy tín, phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa, nghệ thuật chất lượng, giải thưởng âm nhạc,... tại Việt Nam nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, ưu tiên gắn với hệ thống các thành phố sáng tạo của Việt Nam.

9.3.2. Phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa, nghệ thuật chất lượng, quy mô quốc tế tại Việt Nam như Liên hoan sáng tạo Việt Nam, Tuần lễ Thiết kế Việt Nam.

9.3.3. Xây dựng các chương trình lưu trú nghệ thuật, trại sáng tác nghệ thuật, chương trình trao đổi nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam dành cho các nghệ sĩ nước ngoài và Việt Nam và hỗ trợ nghệ sĩ Việt Nam tham gia các chương trình lưu trú nghệ thuật tại nước ngoài.

9.3.4. Triển khai các biện pháp thu hút các chuyên gia về văn hóa, nghệ thuật ở nước ngoài về Việt Nam làm việc và chia sẻ kinh nghiệm phát triển văn hóa, nghệ thuật.

9.4. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

9.4.1. Tổ chức các chương trình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

9.4.2. Thực hiện các chương trình phát huy các giá trị truyền thống Việt Nam tại các gia đình đa văn hóa, các chương trình dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài.

9.4.3. Xây dựng, phát triển các trung tâm, các mạng lưới Việt Nam học, cung cấp các dịch vụ về lịch sử, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế có quan tâm tìm hiểu về Việt Nam.

9.4.4. Hỗ trợ các cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài truyền bá, lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam.

10. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực thực hiện chương trình, truyền thông, tuyên truyền về chương trình

a) **Đối tượng:** Mọi đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

c) **Nội dung**

10.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

10.1.1. Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia vào Hệ thống; xây dựng chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

10.1.2. Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá, quản lý, điều phối cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình. Xây dựng và phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình tại các cấp, hướng dẫn về quản lý, vận hành các công trình được đầu tư xây dựng sau khi Chương trình kết thúc.

10.1.3. Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng khi triển khai thực hiện Chương trình.

10.1.4. Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

10.1.5. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.

10.2. Tăng cường năng lực công tác quản lý, điều phối thực hiện Chương trình các cấp, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về Chương trình

10.2.1. Tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình tại Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chương trình tại Trung ương.

10.2.2. Tổ chức các hoạt động vận động, xúc tiến, huy động nguồn lực đóng góp từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài để thực hiện Chương trình. Triển khai rộng khắp cả nước phong trào thi đua thực hiện Chương trình, phát triển văn hóa toàn diện.

10.2.3. Đa dạng hình thức tuyên truyền, truyền thông về Chương trình, lồng ghép với các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống của địa phương; xây dựng trang web thông tin chính thức của Chương trình, chuyên trang, chuyên mục đặc thù trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến.

III. CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cơ chế thực hiện Chương trình

a) Cơ chế phân bổ ngân sách Trung ương

Căn cứ tổng mức vốn NSTW hỗ trợ, cùng với nguồn vốn NSDP, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động với các Chương trình MTQG khác. Tổng vốn NSTW phân bổ trong giai đoạn 2025 - 2030 phải đảm bảo bố trí đủ theo định mức cụ thể do Trung ương quy định.

Các dự án thuộc Chương trình sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, hoặc thực hiện theo cơ chế đặc thù được Chính phủ ban hành trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp và các văn bản pháp luật hiện hành.

b) Cơ chế hỗ trợ ngân sách của Chương trình

Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động:

+ Nghiên cứu cơ bản, điều tra, thống kê, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; xây dựng, thực thi chính sách, các hệ giá trị, trợ giúp pháp lý, đăng ký đảm bảo, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp; tuyên truyền; đào tạo các ngành, nghề văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc và các ngành, nghề hiếm, khó tuyển sinh mà trong nước có nhu cầu; quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Chương trình; thực hiện các phong trào thi đua trong thực hiện Chương trình.

+ Rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch di tích, khảo cổ, hồ sơ di sản, kiểm kê; tu bổ, tôn tạo, tu sửa cấp thiết các di tích khảo cổ, di tích không gắn với cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, danh lam thắng cảnh; công tác phòng, chống bạo lực gia đình; bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu có nguy cơ mai một, bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do Nhà nước quản lý; đầu tư các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao phục vụ nhiệm vụ chính trị, nghệ thuật truyền thống; đầu tư phương tiện, trang thiết bị cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị; các hoạt động tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động:

+ Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cung cấp trang thiết bị, nâng cao năng lực vận hành, khai thác các công trình thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp, thiết chế văn hóa, nghệ thuật (nhà hát, bảo tàng, kho hiện vật, thư viện, rạp chiếu phim, trung tâm triển lãm,...), điểm vui chơi, giải trí, điểm tập thể dục thể thao, không gian văn hóa, nghệ thuật công cộng, không gian giáo dục văn hóa, nghệ thuật, công trình mỹ thuật công cộng, trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam, hạ tầng phát triển công nghiệp văn hóa, không gian văn hóa, sáng tạo, mạng lưới các thành phố sáng tạo, hạ tầng công nghệ chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển văn hóa, cơ sở nghiên cứu, giáo dục, đào tạo văn hóa, nghệ thuật; tu bổ, tôn tạo, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, chống xuống cấp các di tích gắn với cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, danh lam thắng cảnh; đầu tư hạ tầng phát huy giá trị di tích; bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống, không gian văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

+ Tổ chức các hoạt động, câu lạc bộ văn hóa, thể thao phong trào phục vụ cộng đồng, hướng dẫn tập luyện; sưu tầm, khôi phục, bảo tồn, truyền dạy, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu, lễ hội, ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao truyền thống; phát triển cộng đồng khán giả, công chúng văn hóa, nghệ thuật; các mô hình văn hóa cơ sở, văn hóa đọc; sáng tác, lưu trú nghệ thuật, lý luận, phê bình, cuộc thi, giải thưởng văn học, nghệ thuật; sản xuất, quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật; phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp văn hóa; đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nhân lực văn hóa, nghệ thuật trong và ngoài nước, nhân lực các ngành công nghiệp văn hóa; tổ chức, tham gia các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế, hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài,...

2. Một số giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Bố trí đủ vốn ngân sách địa phương; huy động tối đa nguồn lực và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được phân bổ để đầu tư cho các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách về phát triển văn hóa giữa các vùng, miền, giữa nông thôn và đô thị; áp dụng các quy định, nguyên tắc, định mức đã ban hành tại Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình và đơn vị điều phối, giúp việc Ban Chỉ đạo, phù hợp với thực tiễn địa phương và quy định pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng. Tổng hợp hồ sơ, thẩm định, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo quy định.

Rà soát, tham mưu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai Chương trình.

Tham mưu xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình.

Tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù phục vụ thực hiện Chương trình theo Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội.

Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ, đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa đến các cấp, ngành và người dân thành phố Huế.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và đề xuất của các đơn vị, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí, phân bổ kinh phí triển khai Chương trình bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tham mưu ban hành các quy định, hướng dẫn việc lồng ghép, huy động các nguồn lực từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, mục tiêu để thực hiện Chương trình.

Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển theo đúng quy định; phối hợp rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục đầu tư (nếu cần thiết) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng, triển khai các hoạt động giáo dục văn hóa, đạo đức, truyền thống văn hóa dân tộc, các chương trình giáo dục văn hóa – lịch sử địa phương gắn với di sản trong các trường học và các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Huế.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với các đơn vị liên quan để kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy và nhân sự của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa phù hợp với Nghị quyết 114/NQ-CP trên địa bàn thành phố Huế.

Đề xuất, phối hợp xây dựng các các giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực văn hóa.

Thẩm định, tham mưu, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai Chương trình theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu văn hóa - nghệ thuật - nhân lực, liên thông với nền tảng dữ liệu quốc gia.

6. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế

Phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa và Thể thao; các sở, ngành, địa phương liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ của Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn thành phố Huế; đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cố đô Huế.

Tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Quần thể Di tích Cố đô Huế theo đúng định hướng, mục tiêu của Chương trình đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa theo khuyến nghị của UNESCO và các tổ chức quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác bảo tồn và phát huy di sản; kết nối cơ sở dữ liệu di sản với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

7. Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện các nội dung thuộc phạm vi quản lý.

Bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hoá và Thể thao để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

Lồng ghép chương trình phát triển văn hóa vào quy hoạch đô thị, nông thôn mới, du lịch cộng đồng.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Văn hoá và Thể thao để tổng hợp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ tập trung xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Văn hoá và Thể thao - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thành phố phối hợp Văn phòng UBND thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra; định kỳ sơ, tổng kết theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, các vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Văn hoá và Thể thao) để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các đơn vị được nêu tại mục IV;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình